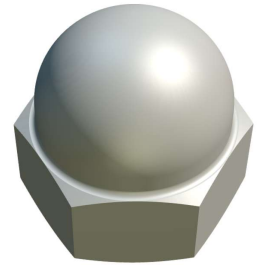


Tán bầu

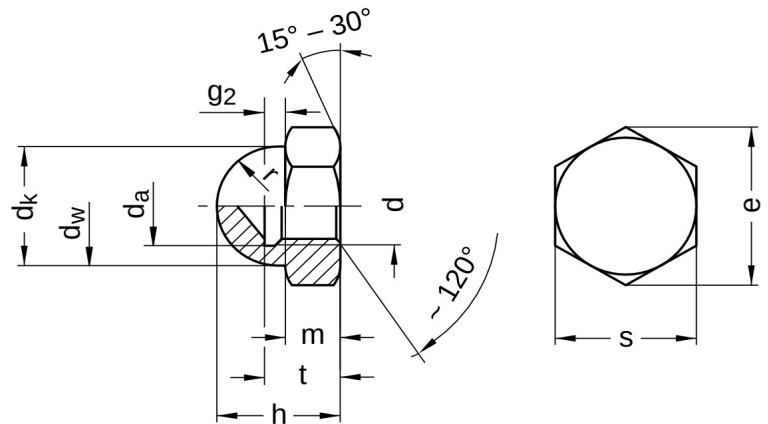
Cấp bền và ký hiệu

- Thép
- Thép không gỉ (Inox): A2, A4
- DIN 1587 là tiêu chuẩn Đức quy định đai ốc chụp, tán bầu (cap nut / acorn nut), có phần chóp tròn kín ở đầu, dùng để che kín đầu bulong sau khi lắp, vừa đảm bảo an toàn vừa tăng tính thẩm mỹ cho mối ghép.
 - Ứng dụng: dùng nhiều trong thiết bị dân dụng, nội thất, lan can, máy móc, nơi yêu cầu an toàn, thẩm mỹ và chống ăn mòn.



Chú Thích:

- d: đường kính danh nghĩa của ren
- da: đường kính miệng lỗ phía trên
- dw: đường kính mặt tỷ làm việc
- dk: đường kính đầu
- r: bán kính mặt cầu
- m: độ dày của đai ốc
- h: độ dày
- e: đường kính ngoại tiếp lục giác
- s: kích thước khóa tay



Đường kính ren (d)			M4	M5	M6	M8	M10	M12	(M14)	M16	(M18)	M20	(M22)	M24
P	Bước Ren	Ren Thô	0.7	0.8	1	1.25	1.5	1.75	2	2	2.5	2.5	2.5	3
		Ren Nhuyễn 1	-	-	-	1	1.25	1.5	1.5	1.5	2	2	2	2
		Ren Nhuyễn 2	-	-	-	-	1	1.25	-	-	1.5	1.5	1.5	-
da	max.		4.6	5.75	6.75	8.75	10.8	13	15.1	17.3	19.5	21.6	23.7	25.9
	min.		4	5	6	8	10	12	14	16	18	20	22	24
dk	min. = Danh Nghĩa		6.5	7.5	9.5	12.5	15	17	20	23	26	28	33	34
dw	min.		5.9	6.9	8.9	11.6	14.6	16.6	19.6	22.5	24.9	27.7	31.4	33.3
e	Grade A	min.	7.66	8.79	11.05	14.38	17.77	20.03	23.35	26.75	30.14	33.53	37.72	39.98
	Grade B	min.	7.5	8.63	10.89	14.2	17.59	19.85	22.78	26.17	29.56	32.95	37.29	39.55
g2	Thô	max.	2.75	3	3.7	4.9	5.6	6.4	7.3	7.3	9.3	9.3	9.3	10.7
	Nhuyễn	max.	-	-	-	3.7	4.9	5.6	5.6	5.6	7.3	7.3	7.3	7.3
	max. = Danh Nghĩa		8	10	12	15	18	22	25	28	32	34	39	42
h	Grade A	min.	7.64	9.64	11.57	14.57	17.57	21.48	24.48	27.48	31.38	33.38	38.38	41.38
	Grade B	min.	7.42	9.42	11.3	14.3	17.3	21.16	24.16	27.16	31	33	38	41
m	max.		3.2	4	5	6.5	8	10	11	13	15	16	18	19
	min.		2.9	3.7	4.7	6.14	7.64	9.64	10.3	12.3	14.3	14.9	16.9	17.7
r	≈		3.25	3.75	4.75	6.25	7.5	8.5	10	11.5	13	14	16.5	17
s	max. = Danh Nghĩa		7	8	10	13	16	18	21	24	27	30	34	36
	Grade A	min.	6.78	7.78	9.78	12.73	15.73	17.73	20.67	23.67	26.67	29.67	33.38	35.38
	Grade B	min.	6.64	7.64	9.64	12.57	15.57	17.57	20.16	23.16	26.16	29.16	33	35
t	max.		5.74	7.79	8.29	11.35	13.35	16.35	18.35	21.42	25.42	26.42	29.42	31.5
	min.		5.26	7.21	7.71	10.65	12.65	15.65	17.65	20.58	24.58	25.58	28.58	30.5

Kích thước (không được ưu tiên) trong ngoặc đơn.

TÀI LIỆU KỸ THUẬT

DIN 1587

Grade A và **Grade B** là cấp chính xác (product grade) của đai ốc theo tiêu chuẩn DIN / ISO, không phải cấp bền.

Grade A → e nhỏ hơn, dung sai chặt hơn, cấp chính xác cao

Grade B → e lớn hơn một chút, dung sai rộng hơn, cấp chính xác tiêu chuẩn / thấp hơn A